Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8453.90.00

Mã HS	8453.90.00
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống hoặc da thuộc hoặc máy để sản xuất hoặc sửa chữa giày dép hoặc các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, trừ các loại máy khâu / - Bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 10:35:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84539000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14056
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14056
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14056
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13381
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13322
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13322
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13322
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13322
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13322
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13322
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13376
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13376
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13376
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13376
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13376
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13377
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13377
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13377
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13377
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13377
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13377
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13380
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13328
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13336
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13336
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13336
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13336
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13336
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13336
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13367
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13367
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13367
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13367
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13367
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13367
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13416
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13416
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13416
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13416
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13416
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13399
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13399
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13399
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13399
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13399
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13399
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13399
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13399
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13399
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13399
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13399
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13399
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13414
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13414
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13414
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13414
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13414
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13414
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13413
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13413
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13413
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13413
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13413

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13413
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13393
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13393
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13393
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13393
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13393
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13393
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13393
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13401
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13401
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13401
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13401
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13401
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13401
RCEP B	2022	2022	0	B!D13401
RCEP B	2023	2023	0	B!E13401
RCEP B	2024	2024	0	B!F13401
RCEP B	2025	2025	0	B!G13401
RCEP B	2026	2026	0	B!H13401
RCEP B	2027	2027	0	B!I13401
RCEP C	2022	2022	0	C!D13401
RCEP C	2023	2023	0	C!E13401
RCEP C	2024	2024	0	C!F13401
RCEP C	2025	2025	0	C!G13401
RCEP C	2026	2026	0	C!H13401
RCEP C	2027	2027	0	C!I13401

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13400
RCEP D	2023	2023	0	D!E13400
RCEP D	2024	2024	0	D!F13400
RCEP D	2025	2025	0	D!G13400
RCEP D	2026	2026	0	D!H13400
RCEP D	2027	2027	0	D!I13400
RCEP E	2022	2022	0	E!D13404
RCEP E	2023	2023	0	E!E13404
RCEP E	2024	2024	0	E!F13404
RCEP E	2025	2025	0	E!G13404
RCEP E	2026	2026	0	E!H13404
RCEP E	2027	2027	0	E!I13404
RCEP F	2022	2022	0	F!D13401
RCEP F	2023	2023	0	F!E13401
RCEP F	2024	2024	0	F!F13401
RCEP F	2025	2025	0	F!G13401
RCEP F	2026	2026	0	F!H13401
RCEP F	2027	2027	0	F!I13401
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12434
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12434
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12434
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12434

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8453.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8453.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14056), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.